

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NĂM HỌC 2018 - 2019

Tên học phần: BỆNH HỌC

Mã học phần: 000434

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 3 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 45

- **Lý thuyết:** 3 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 45

Phân bổ thời gian: Học kỳ 7

| Tổng thời gian học của sinh viên | Giờ trên lớp | | | | Tổng thời gian học trên lớp và tự học |
|--|--------------|---|---|---|---------------------------------------|
| L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar | L | T | P | O | 45 + 90 = 135 |
| | 45 | 0 | 0 | 0 | |

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Sinh lý, Giải phẫu, Sinh lý bệnh miễn dịch

Học phần học trước: Sinh lý, Giải phẫu, Sinh lý bệnh miễn dịch

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Khoa Y

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Trình bày được triệu chứng, bệnh học và nguyên tắc điều trị các bệnh thường gặp tại cơ quan cơ, xương, hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, thận-tiết niệu, sinh dục, thần kinh, giác quan

• Về kỹ năng

MT2: Kỹ thuật nhận biết các bệnh thường gặp tại cơ quan cơ, xương, hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, thận-tiết niệu, sinh dục, thần kinh, giác quan theo bảng kiểm.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3: Trung thực, khách quan, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

MT4: Có tinh thần cầu tiến, nâng cao trình độ chuyên môn.

MT5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT | | | | | | | | | | |
|--------|----------|---|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| | | PO1 | PO2 | PO3 | PO4 | PO5 | PO6 | PO7 | PO8 | PO9 | PO10 | PO11 |
| 000434 | Bệnh học | 0 | 0 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | | PO12 | PO13 | PO14 | PO15 | PO16 | PO17 | PO18 | PO19 | PO20 | PO21 | |
| | | 1 | 2 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

| Mục tiêu HP | CDR của HP | Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được: | CDR của CTĐT |
|---------------------------------------|------------|--|--------------|
| Kiến thức | | | |
| MT1 | CO1 | Trình bày được triệu chứng, bệnh học và nguyên tắc điều trị các bệnh thường gặp tại cơ quan cơ, xương, hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, thận-tiết niệu, sinh dục, thần kinh, giác quan | PO3, PO6 |
| Kỹ năng | | | |
| MT2 | CO2 | Kỹ thuật thăm khám các bệnh thường gặp tại cơ quan cơ, xương, hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, thận-tiết niệu, sinh dục, thần kinh, giác quan theo bảng kiểm. | PO13 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | | | |
| MT3 | CO3 | Trung thực, khách quan, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. | PO18 |
| MT4 | CO4 | Có tinh thần cầu tiến, nâng cao trình độ chuyên môn. | PO20 |
| MT5 | CO5 | Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc. | PO21 |

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bệnh học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị các bệnh cơ bản.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

| Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học | Mục đích | CDR của HP đạt được |
|--|--|---------------------|
| Thuyết trình | Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic. | CO1, CO2 |
| Thảo luận bài học | Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. | CO1, CO2, CO3 |
| Nghiên cứu bài học, đọc tài | Giúp người học tăng cường năng | CO1, CO2, CO3, CO4, |

| | | |
|----------------|----------------------------|-----|
| liệu tham khảo | lực tự học, tự nghiên cứu. | CO5 |
|----------------|----------------------------|-----|

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia trình bày – báo cáo.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

| TT | Hình thức | Trọng số (%) | Tiêu chí đánh giá | CDR của HP | Điểm tối đa |
|----|------------------|--------------|--|---------------|-------------|
| 1 | Chuyên cần | 10 | - Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | CO1, CO2, CO3 | 10 |
| | | 10 | - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng | CO1, CO2, CO3 | 10 |
| 2 | Kiểm tra giữa kỳ | 30 | - Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) | CO1, CO2, CO3 | 10 |
| 3 | Thi kết thúc HP | 50 | - Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề | CO1, CO2, CO3 | 10 |

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Lê Thị Luyến (2016), Giáo trình Bệnh học, Nhà xuất bản y học Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Russell J Greene and Norman D Harris (2008), Pathology Therapeutics

11. Nội dung chi tiết học phần

| Tuần | Nội dung | Tài liệu | CDR của HP |
|------|---|--------------------------------------|-------------------------|
| 1 | Đại cương hệ hô hấp, tuần hoàn | [1]. Trang 50-59, 97-104 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 2 | Đại cương hệ tiêu hóa, thần kinh, tiết niệu | [1]. Trang 128-139, 314-325, 178-184 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 3 | Hen phế quản - Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính | [1]. Trang 81-96 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |

| Tuần | Nội dung | Tài liệu | CDR của HP |
|-------------|---|-----------------------------|-------------------------|
| 4 | Suy tim - Tăng huyết áp | [1]. Trang 105-120 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 5 | Đái tháo đường | [1]. Trang 209-221 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 6 | Suy thận cấp – mạn | [1]. Trang 192-200 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 7 | Viêm cầu thận cấp – mạn | [1]. Trang 185-191 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 8 | Bệnh vỏ thượng thận | [1]. Trang 236-245. | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 9 | Loét dạ dày – tá tràng ; Táo bón – Tiêu chảy | [1]. Trang 140-144, 159-166 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 10 | Xơ gan | [1]. Trang 145-150 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 11 | Thiếu máu | [1]. Trang 251-259 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 12 | Bệnh lao | [1]. Trang 279-287 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 13 | Viêm gan virus | [1] Trang 304-309 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |
| 14 | Tai biến mạch máu não | [1] Trang 335-341 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5 |

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

TRƯỞNG KHOA
(Đã ký)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Đã ký)

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)